

Số: 801/ĐA-UBND

Mường Tè, ngày 27 tháng 3 năm 2025

**ĐỀ ÁN**  
**Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức**

**Phần I**  
**SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ**

**I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN**

**1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện**

**1.1. Khái quát đặc điểm tình hình của huyện**

Mường Tè là huyện vùng cao biên giới của tỉnh Lai Châu, nằm ở phía Tây Bắc Việt Nam, có vị trí đặc biệt quan trọng về an ninh quốc phòng và bảo vệ chủ quyền biên giới Quốc gia. Huyện có tổng diện tích tự nhiên 267.848 ha, chiếm 29,6% diện tích của tỉnh Lai Châu, có 14 đơn vị hành chính gồm thị trấn Mường Tè và 13 xã.

UBND huyện Mường Tè có 10 cơ quan chuyên môn được thành lập và hoạt động theo Nghị định số 45/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương. Phạm vi hoạt động, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện thực hiện theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025. Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân huyện đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra, hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.

**1.2. Cơ cấu tổ chức của Ủy ban nhân dân huyện Mường Tè gồm:**

- Văn phòng HĐND và UBND huyện;
- Phòng Giáo dục và Đào tạo;
- Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị;
- Phòng Nội vụ;
- Phòng Nông nghiệp và Môi trường;
- Phòng Tài chính - Kế hoạch;
- Thanh tra huyện;

- Phòng Tư pháp;
- Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin;
- Phòng Dân tộc và Tôn giáo.

Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện hoạt động theo quy định tại Nghị định số 45/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ, các Thông tư và các văn bản hướng dẫn của tỉnh, các quyết định của UBND huyện về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan chuyên môn; thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân huyện quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực ở địa phương và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật, góp phần bảo đảm sự thống nhất quản lý của ngành hoặc lĩnh vực công tác ở địa phương.

## **2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của Ủy ban nhân dân huyện**

2.1. Đối tượng chính chịu tác động liên quan đến thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện là các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trên địa bàn huyện; đối tượng tác động đến phạm vi hoạt động giám sát, quản lý, chỉ đạo, điều hành của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện rất rộng, đa dạng, nên tính chất hoạt động cũng rất đa dạng, phức tạp; kết quả hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân huyện chịu tác động rất lớn bởi tính chất, đặc điểm, mức độ phức tạp và quy mô, phạm vi, đối tượng quản lý: Các lĩnh vực của đời sống kinh tế - chính trị - xã hội; quốc phòng - an ninh - trật tự xã hội; các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn.

2.2. Quy mô dân số 49.437 người; 13 xã, 01 thị trấn và 10 cơ quan hành chính thuộc UBND huyện; đầu mối quản lý, điều hành của các cơ quan chuyên môn huyện lớn nên khối lượng công việc của cơ quan hành chính thuộc Ủy ban nhân dân huyện nhiều.

2.3. Mức độ hiện đại hóa công sở, trang thiết bị, phương tiện làm việc và ứng dụng công nghệ thông tin có ảnh hưởng lớn đến kết quả, hiệu quả công việc: UBND huyện đã bố trí đầy đủ các trang thiết bị làm việc (máy tính, phòng làm việc kết nối Internet, các trang thiết bị cần thiết) và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành.

2.4. Chế độ làm việc, cách thức tổ chức công việc của cơ quan; sự phối hợp công tác với các cơ quan, tổ chức có liên quan: UBND huyện, các cơ quan, đơn vị, địa phương đã xây dựng quy chế làm việc, thực hiện quy trình xử lý công việc do cấp có thẩm quyền ban hành; việc phối hợp triển khai công tác giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có hiệu quả.

2.5. Tính chất, đặc điểm, mức độ phức tạp và quy mô, phạm vi, đối tượng quản lý: UBND huyện quản lý toàn diện các mặt công tác, nhiều nội dung công việc nhất là trong giai đoạn đẩy mạnh phân cấp, phân quyền cho địa phương,

2.6. Thực trạng chất lượng, số lượng công chức của cơ quan, tổ chức:

100% cán bộ, công chức hành chính hiện nay (83 người/92 biên chế của năm 2025) có trình độ đại học trở lên đáp ứng yêu cầu của vị trí việc làm.

2.7. Yêu cầu về hiệu quả, hiệu lực quản lý và chất lượng công việc: Các cơ quan có nhiều lĩnh vực quản lý, số lượng đầu mỗi nhiều, số lượng công việc tăng, phải đảm bảo triển khai các mặt công tác kịp thời, có hiệu quả; hiệu lực quản lý của UBND huyện được tăng lên; chất lượng xử lý công việc đảm bảo quy định của pháp luật.

2.8. Những yếu tố đặc thù của huyện đến lĩnh vực hoạt động: Huyện Mường Tè là huyện biên giới, diện tích lớn; dân cư phân bố không tập trung; trình độ dân trí không đồng đều, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội còn thiếu và chưa đồng bộ,...

2.9. Mức độ phát triển kinh tế - xã hội của huyện: Kém phát triển.

2.10. Đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội: Huyện Mường Tè có truyền thống của một huyện anh hùng; nhiều lễ hội, có nền văn hoá đặc sắc, đa sắc màu của các dân tộc; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững, ổn định.

### **3. Sự cần thiết xây dựng Đề án vị trí việc làm**

Việc xác định vị trí việc làm nhằm xác định số lượng biên chế gắn với từng vị trí việc làm tại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, làm cơ sở để cấp có thẩm quyền bổ sung nguồn nhân lực, bố trí biên chế cần thiết, phù hợp với cơ cấu tổ chức, bộ máy của cơ quan, tổ chức, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở đó thực hiện công tác tuyển dụng, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí và sử dụng cán bộ, công chức có đủ tiêu chuẩn đảm đương công việc phù hợp với vị trí việc làm, từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

## **II. CƠ SỞ PHÁP LÝ**

1. Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008.
2. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019.
3. Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/02/2025.
4. Nghị định số 45/2025/NĐ-CP, ngày 28/02/2025 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương.
5. Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức.
6. Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức; Nghị định số 116/2024/NĐ-CP ngày 17/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức.

7. Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

8. Thông tư số 06/2022/TT-BNV ngày 28/6/2022 của Bộ Nội vụ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11 tháng 6 năm 2021 quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư.

9. Thông tư số 11/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Nội vụ.

10. Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập; Thông tư số 06/2024/TT-BNV ngày 28/6/2024 của Bộ Nội vụ ban hành sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

11. Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ Nội vụ hướng dẫn xác định cơ cấu ngạch công chức.

12. Thông tư số 06/2023/TT-BNNPTNT ngày 12/9/2023 của Bộ NN&PTNT Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn.

13. Thông tư số 02/2023/TT-VPCP ngày 11/9/2023 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lĩnh vực văn phòng trong các cơ quan, tổ chức hành chính do Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ ban hành.

14. Thông tư số 01/2023/TT-BNG ngày 30/3/2023 của Bộ Ngoại giao Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành đối ngoại trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực đối ngoại.

15. Thông tư số 54/2023/TT-BTC ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành tài chính trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực tài chính.

16. Thông tư số 03/2023/TT-BKHĐT ngày 20/4/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư Hướng dẫn vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Kế hoạch, Đầu tư và Thống kê.

17. Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục.

18. Thông tư số 05/2023/TT-BTNMT ngày 31/7/2023 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành

tài nguyên và môi trường.

19. Thông tư số 01/2023/TT-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban dân tộc Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công tác dân tộc trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công tác dân tộc.

20. Thông tư số 06/2023/TT-BCT ngày 23/3/2023 của Bộ Công thương Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành công thương trong các cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực công thương.

21. Thông tư số 42/2022/TT-BGTVT ngày 30/12/2022 của Bộ giao thông vận tải Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành giao thông vận tải trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực giao thông vận tải.

22. Thông tư số 09/2023/TT-BTTTT ngày 28/7/2023 của Bộ Thông tin truyền thông Hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Thông tin và Truyền thông trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực Thông tin và Truyền thông.

23. Thông tư số 19/2023/TT-BYT ngày 06/11/2023 của Bộ Y tế hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành y tế.

24. Thông tư số 02/2023/TT-BTP ngày 29/6/2023 của Bộ Tư pháp quy định vị trí việc làm công chức nghiệp vụ ngành Tư pháp.

25. Thông tư số 06/2023/TT-BVHTTDL ngày 15/5/2023 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao và du lịch trong cơ quan, tổ chức hành chính thuộc ngành, lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

26. Thông tư số 11/2023/TT-BXD ngày 20/10/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành xây dựng.

27. Thông tư số 10/2023/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2023 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành lao động, người có công và xã hội trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực lao động, người có công và xã hội.

28. Thông tư số 01/2023/TT-TTCT ngày 01/11/2023 của Thanh tra Chính phủ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành thanh tra.

29. Thông tư số 16/2023/TT-BKHCHN ngày 09/8/2023 của Bộ Khoa học công nghệ hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành khoa học và công nghệ trong cơ quan, tổ chức thuộc ngành, lĩnh vực khoa học và công nghệ.

30. Quyết định số 922-QĐ/TU ngày 09/8/2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị tỉnh Lai Châu.

31. Công văn số 242-CV/BCSD ngày 18/02/2022 của Ban Cán sự Đảng Bộ Nội vụ về kết quả xây dựng vị trí việc làm cán bộ, công chức, viên chức và cán bộ, công chức cấp xã.

32. Công văn số 7583/BNV-TCBC ngày 23/12/2023 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung vướng mắc trong việc xây dựng Đề án và phê duyệt vị trí việc làm.

33. Công văn số 64/BNV-CCVC ngày 05/01/2024 của Bộ Nội vụ về việc xác định cơ cấu ngạch công chức và cơ cấu hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

34. Công văn số 1029/UBND-TH ngày 12/3/2025 của UBND tỉnh Lai Châu về việc rà soát, xây dựng Đề án vị trí việc làm trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập.

35. Các Quyết định (quy phạm pháp luật) của UBND huyện Mường Tè về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của từng cơ quan chuyên môn (10 cơ quan chuyên môn).

## **Phần II**

### **THỰC TRẠNG CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC**

#### **I. CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ**

##### **1. Chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động**

- Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân huyện quyết định các nội dung quy định và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện.

- Quy định tổ chức bộ máy và nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện.

- Tổ chức thực hiện ngân sách huyện; thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, phát triển công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, mạng lưới giao thông, thủy lợi, xây dựng điểm dân cư nông thôn; quản lý và sử dụng đất đai, rừng núi, sông hồ, tài nguyên nước, tài nguyên khoáng sản, tài nguyên thiên nhiên khác; bảo vệ môi trường trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện các nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp và pháp luật, xây dựng chính quyền và địa giới hành chính, giáo dục, đào tạo, khoa học, công nghệ, văn hóa, thông tin, thể dục, thể thao, y tế, lao động, chính sách xã hội, dân tộc, tôn giáo, quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, hành chính tư pháp, hỗ trợ tư pháp và các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền. Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức khác thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân huyện.

##### **2. Đối tượng, phạm vi, tính chất hoạt động**

- Đối tượng và phạm vi: Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện; đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện; Hội Chữ thập đỏ huyện.

- Tính chất hoạt động: Thực hiện các nhiệm vụ quản lý các lĩnh vực: Kinh tế - Xã hội; Văn hóa, Giáo dục, Y tế, Quốc phòng - An ninh, Đối ngoại, ...

## **II. CƠ CẤU TỔ CHỨC, BIÊN CHẾ, VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ ĐỘI NGŨ CÔNG CHỨC**

### **1. Về tổ chức bộ máy**

#### **1.1. Cơ cấu lãnh đạo**

- Lãnh đạo HĐND huyện: 02 đồng chí. Trong đó, Chủ tịch HĐND: 01 đồng chí; Phó Chủ tịch HĐND huyện: 01 đồng chí.

- Lãnh đạo UBND huyện: 03 đồng chí. Trong đó: Chủ tịch: 01 đồng chí; Phó Chủ tịch UBND huyện: 02 đồng chí.

- Lãnh đạo các Ban HĐND huyện: 04 đồng chí. Trong đó: Trưởng ban chuyên trách: 02 đồng chí; Phó Trưởng ban chuyên trách: 02 đồng chí.

- Trưởng phòng: 10 đồng chí.

- Phó Trưởng phòng: 24 đồng chí.

**1.2. Số lượng công chức:** 40 đồng chí.

### **2. Về biên chế cán bộ, công chức**

- Biên chế được giao: 92 biên chế.

- Biên chế hiện có: 83 người.

### **3. Vị trí việc làm đang thực hiện (theo Quyết định số 342/QĐ-UBND ngày 29/3/2024 của UBND tỉnh Lai Châu)**

3.1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 12 vị trí

3.2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 117 vị trí

3.3. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 15 vị trí

3.4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 05 vị trí.

## **III. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG ĐẾN HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN**

1. Quy mô dân số, diện tích tự nhiên; mức độ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; số lượng đơn vị hành chính cấp xã;

2. Đặc điểm lịch sử, văn hóa, xã hội; tình hình an ninh chính trị, trật tự an ninh xã hội...

3. Tính chất, đặc điểm, mức độ phức tạp và quy mô, phạm vi, đối tượng quản lý; thực trạng chất lượng, số lượng công chức của cơ quan, tổ chức; số lượng, khối lượng công việc được cấp có thẩm quyền giao;

4. Yêu cầu về hiệu quả, hiệu lực quản lý và chất lượng công việc;

5. Chế độ làm việc, cách thức tổ chức công việc của cơ quan;

6. Những yếu tố đặc thù của ngành, lĩnh vực hoạt động...

**Phần III**  
**THỐNG KÊ VÀ PHÂN NHÓM CÔNG VIỆC THEO CHỨC NĂNG,  
 NHIỆM VỤ, TÍNH CHẤT, MỨC ĐỘ PHỨC TẠP**

1. Nhóm 01: Lĩnh vực Nội vụ: Tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức; địa giới hành chính; Dân vận chính quyền, Dân chủ; lao động, tiền lương, bảo hiểm xã hội, an toàn, vệ sinh lao động, người có công,...

2. Nhóm 02: Lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường: Nông nghiệp; lâm nghiệp; thủy lợi; thủy sản; phòng, chống thiên tai; chất lượng, an toàn thực phẩm đối với nông sản, lâm sản, thủy sản và muối; phát triển nông thôn; phát triển kinh tế hộ; kinh tế trang trại nông thôn; kinh tế hợp tác xã nông, lâm, ngư, gắn với ngành nghề, làng nghề ở nông thôn, đất đai; tài nguyên nước; tài nguyên khoáng sản; môi trường; đo đạc và bản đồ; biến đổi khí hậu, giảm nghèo.

3. Nhóm 03: Lĩnh vực Dân tộc và Tôn giáo: Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về công tác dân tộc; tín ngưỡng, tôn giáo và thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

4. Nhóm 04: Thanh tra: Thực hiện các nhiệm vụ công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tiến hành thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng theo quy định của pháp luật.

5. Nhóm 05: Lĩnh vực Văn hóa, thể thao và du lịch: Văn hóa, gia đình, thể dục, thể thao, du lịch, quảng cáo; báo chí, xuất bản, in và phát hành, phát thanh, thông tin điện tử, thông tin cơ sở, thông tin đối ngoại, bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ trên địa bàn.

6. Nhóm 06: Giáo dục và Đào tạo: Thực hiện các nhiệm vụ quản lý nhà nước về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp ở địa phương theo quy định.

7. Nhóm 07: Lĩnh vực Tư pháp: công tác xây dựng và thi hành pháp luật; theo dõi tình hình thi hành pháp luật; kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật; phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở; trợ giúp pháp lý; nuôi con nuôi; hộ tịch; chứng thực; quản lý công tác thi hành pháp luật về xử lý vi phạm hành chính và các công tác tư pháp khác theo quy định pháp luật.

8. Nhóm 08: Lĩnh vực Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị: Quy hoạch xây dựng, kiến trúc; hoạt động đầu tư xây dựng; phát triển đô thị; hạ tầng kỹ thuật đô thị, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao (bao gồm: Cấp nước, thoát nước đô thị và khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao, cơ sở sản xuất vật liệu xây dựng; chiếu sáng đô thị, cây xanh đô thị; quản lý nghĩa trang, trù nghĩa trang liệt sĩ; quản lý xây dựng ngầm đô thị; quản lý sử dụng chung cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị); nhà ở; công sở; thị trường bất động sản; vật liệu xây dựng; giao thông vận tải; công thương trên địa bàn huyện theo quy định của pháp luật.



9. Nhóm 09: Văn phòng: Tham mưu tổng hợp cho Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân về: Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân; tham mưu cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân về chỉ đạo, điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân; kiểm soát thủ tục hành chính; cung cấp thông tin phục vụ quản lý và hoạt động của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân và các cơ quan nhà nước ở địa phương; bảo đảm cơ sở vật chất, kỹ thuật cho hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân; tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Ủy ban nhân dân cấp huyện; hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ của cá nhân, tổ chức trên tất cả các lĩnh vực thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp huyện, chuyển hồ sơ đến các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện giải quyết và nhận kết quả để trả cho cá nhân, tổ chức. Văn phòng HĐND và UBND huyện tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác ngoại vụ, biên giới, bảo trợ xã hội; trẻ em, phòng, chống tệ nạn xã hội; y tế,....

10. Nhóm 10: Lĩnh vực tài chính - kế hoạch: Tài chính - ngân sách; quy hoạch trên địa bàn huyện; kế hoạch và đầu tư; đăng ký hộ kinh doanh, đăng ký hợp tác xã; tổng hợp và thống nhất quản lý các vấn đề về kinh tế tập thể, hợp tác xã, hộ kinh doanh, kinh tế tư nhân; thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân huyện và theo quy định của pháp luật.

## **Phần IV**

### **XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC**

#### **I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM**

Căn cứ Điều 5 của Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 về vị trí việc làm và biên chế công chức, xác định danh mục vị trí việc làm trong cơ quan hành chính theo thứ tự sau:

##### **1. Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý**

- Vị trí việc làm 01: Chủ tịch HĐND huyện
- Vị trí việc làm 02: Chủ tịch UBND huyện
- Vị trí việc làm 03: Phó Chủ tịch HĐND huyện
- Vị trí việc làm 04: Phó Chủ tịch UBND huyện
- Vị trí việc làm 05: Trưởng ban thuộc HĐND huyện
- Vị trí việc làm 06: Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện
- Vị trí việc làm 07: Chánh Thanh tra huyện
- Vị trí việc làm 08: Trưởng phòng
- Vị trí việc làm 09: Phó Trưởng ban thuộc HĐND huyện
- Vị trí việc làm 10: Phó Trưởng phòng.
- Vị trí việc làm 11: Phó Chánh Thanh tra huyện

- Vị trí việc làm 12: Phó Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện

## **2. Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành**

### **2.1. Văn phòng HĐND và UBND huyện**

- Vị trí việc làm 01: Chuyên viên tham mưu tổng hợp về chuyên ngành
- Vị trí việc làm 02: Chuyên viên về kiểm soát thủ tục hành chính
- Vị trí việc làm 03: Chuyên viên về quản lý thông tin lãnh đạo
- Vị trí việc làm 04: Chuyên viên về thư ký - biên tập
- Vị trí việc làm 05: Chuyên viên về ngoại giao nhà nước
- Vị trí việc làm 06: Chuyên viên về biên giới, lãnh thổ quốc gia
- Vị trí việc làm 07: Chuyên viên về Kiểm soát bệnh tật
- Vị trí việc làm 08: Chuyên viên về Dược
- Vị trí việc làm 09: Chuyên viên về An toàn thực phẩm
- Vị trí việc làm 10: Chuyên viên về quản lý khám, chữa bệnh
- Vị trí việc làm 11: Chuyên viên về phòng, chống tệ nạn xã hội
- Vị trí việc làm 12: Chuyên viên về bảo trợ xã hội
- Vị trí việc làm 13: Chuyên viên về trẻ em.

### **2.2. Phòng Nội vụ**

- Vị trí việc làm 14: Chuyên viên về tổ chức bộ máy
- Vị trí việc làm 15: Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực
- Vị trí việc làm 16: Chuyên viên về cải cách hành chính
- Vị trí việc làm 17: Chuyên viên về địa giới hành chính
- Vị trí việc làm 18: Chuyên viên về thi đua, khen thưởng
- Vị trí việc làm 19: Chuyên viên về quản lý văn thư, lưu trữ.
- Vị trí việc làm 20: Chuyên viên về lao động tiền lương
- Vị trí việc làm 21: Chuyên viên về bảo hiểm xã hội
- Vị trí việc làm 22: Chuyên viên về bình đẳng giới
- Vị trí việc làm 23: Chuyên viên về an toàn, vệ sinh lao động
- Vị trí việc làm 24: Chuyên viên về người có công
- Vị trí việc làm 25: Chuyên viên về việc làm
- Vị trí việc làm 26: Chuyên viên về cơ sở vật chất và thiết bị
- Vị trí việc làm 27: Chuyên viên về đào tạo (gồm đào tạo chính quy và đào tạo thường xuyên).

### **2.3. Phòng Tư pháp**

- Vị trí việc làm 28: Chuyên viên về xây dựng pháp luật
- Vị trí việc làm 29: Chuyên viên về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải cơ sở và tiếp cận pháp luật
- Vị trí việc làm 30: Chuyên viên về quản lý xử lý vi phạm hành chính và theo dõi thi hành pháp luật
- Vị trí việc làm 31: Chuyên viên về kiểm tra văn bản quy phạm pháp luật
- Vị trí việc làm 32: Chuyên viên về hành chính tư pháp.

#### **2.4. Thanh tra huyện**

- Vị trí việc làm 33: Thanh tra viên về công tác thanh tra
- Vị trí việc làm 34: Chuyên viên về công tác thanh tra
- Vị trí việc làm 35: Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn
- Vị trí việc làm 36: Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn
- Vị trí việc làm 37: Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo
- Vị trí việc làm 38: Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo
- Vị trí việc làm 39: Thanh tra viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực
- Vị trí việc làm 40: Chuyên viên về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực.

#### **2.5. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

- Vị trí việc làm 41: Chuyên viên về quản lý kinh tế tổng hợp
- Vị trí việc làm 42: Chuyên viên về quản lý đầu tư
- Vị trí việc làm 43: Chuyên viên về quản lý quy hoạch
- Vị trí việc làm 44: Chuyên viên về quản lý kinh tế đối ngoại
- Vị trí việc làm 45: Chuyên viên về quản lý đầu thầu
- Vị trí việc làm 46: Chuyên viên về quản lý doanh nghiệp
- Vị trí việc làm 47: Chuyên viên về quản lý kinh tế tập thể, kinh tế hợp tác
- Vị trí việc làm 48: Chuyên viên về quản lý tài chính, ngân sách
- Vị trí việc làm 49: Chuyên viên về quản lý tài sản công
- Vị trí việc làm 50: Chuyên viên về quản lý giá.

#### **2.6. Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị**

- Vị trí việc làm 51: Chuyên viên về quản lý thương mại trong nước
- Vị trí việc làm 52: Chuyên viên về quản lý công nghiệp
- Vị trí việc làm 53: Chuyên viên về kết cấu hạ tầng giao thông
- Vị trí việc làm 54: Chuyên viên về an ninh, an toàn giao thông (đường bộ, đường sắt, đường thủy nội địa, hàng hải, hàng không)
- Vị trí việc làm 55: Chuyên viên về quản lý vận tải

- Vị trí việc làm 56: Chuyên viên về quản lý đầu tư theo phương thức đối tác công - tư

- Vị trí việc làm 57: Chuyên viên về quản lý phương tiện và người lái.

- Vị trí việc làm 58: Chuyên viên Quản lý quy hoạch xây dựng

- Vị trí việc làm 59: Chuyên viên Quản lý kiến trúc

- Vị trí việc làm 60: Chuyên viên Quản lý hoạt động đầu tư xây dựng

- Vị trí việc làm 61: Chuyên viên Quản lý phát triển đô thị

- Vị trí việc làm 62: Chuyên viên Quản lý hạ tầng kỹ thuật

- Vị trí việc làm 63: Chuyên viên Quản lý nhà ở

- Vị trí việc làm 64: Chuyên viên Quản lý công sở

- Vị trí việc làm 65: Chuyên viên Quản lý vật liệu xây dựng

- Vị trí việc làm 66: Chuyên viên về quản lý hoạt động tiêu chuẩn hóa

- Vị trí việc làm 67: Chuyên viên về quản lý hoạt động đo lường

- Vị trí việc làm 68: Chuyên viên về quản lý đánh giá hợp chuẩn và hợp quy

### **2.7. Phòng Giáo dục và Đào tạo**

- Vị trí việc làm 69: Chuyên viên quản lý chương trình giáo dục

- Vị trí việc làm 70: Chuyên viên quản lý về tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục

- Vị trí việc làm 71: Chuyên viên quản lý đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục

- Vị trí việc làm 72: Chuyên viên quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục

- Vị trí việc làm 73: Chuyên viên quản lý về chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành giáo dục)

- Vị trí việc làm 74: Chuyên viên quản lý quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)

- Vị trí việc làm 75: Chuyên viên về quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ.

- Vị trí việc làm 76: Chuyên viên về quản lý kỹ năng nghề

- Vị trí việc làm 77: Chuyên viên về nhà giáo giáo dục nghề nghiệp

- Vị trí việc làm 78: Chuyên viên về kiểm định và bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp.

- Vị trí việc làm 79: Chuyên viên về công tác học sinh, sinh viên.

### **2.8. Phòng Nông nghiệp và Môi trường**

- Vị trí việc làm 80: Chuyên viên về khoáng sản

- Vị trí việc làm 81: Chuyên viên về đo đạc và bản đồ

- Vị trí việc làm 82: Chuyên viên về quản lý đất đai
- Vị trí việc làm 83: Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học
- Vị trí việc làm 84: Chuyên viên về môi trường
- Vị trí việc làm 85: Chuyên viên về biến đổi khí hậu
- Vị trí việc làm 86: Chuyên viên về tài nguyên nước.
- Vị trí việc làm 87: Chuyên viên về quản lý trồng trọt, bảo vệ thực vật
- Vị trí việc làm 88: Chuyên viên về quản lý chăn nuôi, thú y
- Vị trí việc làm 89: Chuyên viên về quản lý thủy sản
- Vị trí việc làm 90: Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp
- Vị trí việc làm 91: Chuyên viên về quản lý thủy lợi, đê điều, phòng chống thiên tai và nước sạch nông thôn
- Vị trí việc làm 92: Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường

- Vị trí việc làm 93: Chuyên viên về phát triển nông thôn

- Vị trí việc làm 94: Chuyên viên về giảm nghèo

### **2.9. Phòng Dân tộc và Tôn giáo**

- Vị trí việc làm 95: Chuyên viên về công tác dân tộc

- Vị trí việc làm 96: Chuyên viên về quản lý tín ngưỡng, tôn giáo

### **2.10. Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin**

- Vị trí việc làm 97: Chuyên viên về quản lý báo chí

- Vị trí việc làm 98: Chuyên viên về quản lý phát thanh, truyền hình

- Vị trí việc làm 99: Chuyên viên về quản lý thông tin, điện tử

- Vị trí việc làm 100: Chuyên viên về quản lý xuất bản

- Vị trí việc làm 101: Chuyên viên về quản lý về thông tin đối ngoại

- Vị trí việc làm 102: Chuyên viên về quản lý thông tin cơ sở

- Vị trí việc làm 103: Chuyên viên về quản lý in

- Vị trí việc làm 104: Chuyên viên về quản lý phát hành

- Vị trí việc làm 105: Chuyên viên về quản lý tần số vô tuyến điện

- Vị trí việc làm 106: Chuyên viên về quản lý bưu chính

- Vị trí việc làm 107: Chuyên viên về quản lý về viễn thông

- Vị trí việc làm 108: Chuyên viên về quản lý giao dịch điện tử

- Vị trí việc làm 109: Chuyên viên về quản lý an toàn thông tin mạng.

- Vị trí việc làm 110: Chuyên viên về quản lý di sản văn hoá

- Vị trí việc làm 111: Chuyên viên về quản lý văn hoá cơ sở (bao gồm

quản lý thư viện và quản lý văn hóa dân tộc)

- Vị trí việc làm 112: Chuyên viên về quản lý lĩnh vực gia đình
- Vị trí việc làm 113: Chuyên viên về quản lý thể dục, thể thao cho mọi người
- Vị trí việc làm 114: Chuyên viên về quản lý thể thao thành tích cao và thể thao chuyên nghiệp
- Vị trí việc làm 115: Chuyên viên về quản lý xúc tiến, quảng bá du lịch
- Vị trí việc làm 116: Chuyên viên về quản lý khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (gồm cả hoạt động và nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo)
- Vị trí việc làm 117: Chuyên viên về phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (bao gồm cả phát triển thị trường và doanh nghiệp khoa học và công nghệ).

### **3. Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung:**

- Vị trí việc làm 01: Chuyên viên về hợp tác quốc tế
- Vị trí việc làm 02: Chuyên viên về pháp chế
- Vị trí việc làm 03: Chuyên viên về tổng hợp
- Vị trí việc làm 04: Chuyên viên về hành chính - văn phòng
- Vị trí việc làm 05: Chuyên viên về truyền thông
- Vị trí việc làm 06: Chuyên viên về quản lý công nghệ thông tin (bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin, công nghiệp công nghệ thông tin, chuyển đổi số)
- Vị trí việc làm 07: Chuyên viên quản trị công sở
- Vị trí việc làm 08: Chuyên viên về kế hoạch đầu tư
- Vị trí việc làm 09: Chuyên viên về thống kê
- Vị trí việc làm 10: Chuyên viên về tài chính
- Vị trí việc làm 11: Phụ trách kế toán
- Vị trí việc làm 12: Kế toán viên
- Vị trí việc làm 13: Văn thư viên
- Vị trí việc làm 14: Chuyên viên về lưu trữ
- Vị trí việc làm 15: Cán sự thủ quỹ.

### **4. Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ**

- Vị trí việc làm 01: Nhân viên kỹ thuật
- Vị trí việc làm 02: Nhân viên lễ tân
- Vị trí việc làm 03: Nhân viên phục vụ
- Vị trí việc làm 04: Nhân viên bảo vệ
- Vị trí việc làm 05: Nhân viên lái xe.

## II. BẢN MÔ TẢ VỊ TRÍ VIỆC LÀM

*(Có bản mô tả của từng vị trí việc làm kèm theo Phụ lục II; khung cấp độ xác định yêu cầu về năng lực theo Phụ lục III)*

## III. TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

### 1. Tổng hợp vị trí việc làm

*(Có Phụ lục I kèm theo)*

### 2. Xác định cơ cấu ngạch công chức

#### 2.1. Căn cứ xác định cơ cấu vị trí việc làm

- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

- Thông tư số 12/2022/TT-BNV ngày 30/12/2022 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn về vị trí việc làm công chức lãnh đạo, quản lý; nghiệp vụ chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan, tổ chức hành chính và vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung; hỗ trợ, phục vụ trong đơn vị sự nghiệp công lập.

**2.2. Xác định cơ cấu công chức theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức**

a) Tổng số vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành và vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung: 132 vị trí/tổng số 149 vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính (chiếm 88,59%).

b) Cơ cấu công chức nghiệp vụ chuyên ngành:

- Công chức tương ứng với ngạch chuyên viên hoặc tương đương là 30/30 chiếm 100%;

- Công chức tương ứng với ngạch cán sự hoặc tương đương là 00/30 chiếm 00%.

c) Cơ cấu công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung

- Công chức tương ứng với ngạch chuyên viên hoặc tương đương là 07/10 chiếm 70%;

- Công chức tương ứng với ngạch cán sự hoặc tương đương là 03/10 chiếm 30%.

*(Có Phụ lục I, IV kèm theo)*

## Phần V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN, KIẾN NGHỊ ĐỀ XUẤT

#### I. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Trên cơ sở Đề án được UBND tỉnh phê duyệt, UBND huyện tổ chức triển khai thực hiện đảm bảo theo quy định hiện hành.

## II. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Kiến nghị Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét sớm triển khai thực hiện chi trả lương theo vị trí việc làm.

Trên đây là Đề án vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức của UBND huyện Mường Tè./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh Lai Châu (B/c);
- Sở Nội vụ tỉnh Lai Châu;
- Trung tâm hành chính công tỉnh Lai Châu;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- Trang TTĐT huyện;
- Lưu: VT, PNV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Đào Văn Khánh**